

## SINH KẾ CỦA NGƯỜI BÁN HÀNG RONG Ở THÀNH PHỐ TRÀ VINH

HÀ THỨC DŨNG\*  
NGUYỄN THỊ CÚC TRÂM\*\*

*Trên cơ sở dữ liệu của cuộc khảo sát Tình hình sinh kế của nhóm người buôn bán hàng rong, bài viết này tập trung phân tích các đặc điểm nổi bật của người bán hàng rong tại thành phố Trà Vinh. Kết quả nghiên cứu như sau: (1) họ là những người sinh ra và lớn lên ở Trà Vinh; chủ yếu là người dân tộc Khmer; có trình độ học vấn thấp và kinh tế gia đình khó khăn; (2) những người bán hàng rong chủ yếu là nữ giới và có độ tuổi tương đối cao; (3) lợi nhuận người bán hàng rong thu về tỷ lệ thuận với số tiền đầu tư họ bỏ ra, tuy nhiên đa số họ chỉ có khả năng đầu tư số vốn ban đầu ít; (4) thu nhập của người bán hàng rong mặc dù không cao nhưng lại là nguồn đóng góp chính cho kinh tế hộ gia đình của họ.*

*Từ khóa:* lao động phi chính thức, người bán hàng rong, thành phố Trà Vinh

*Nhận bài ngày:* 11/11/2016; *đưa vào biên tập:* 15/11/2016; *phản biện:* 20/11/2016; *duyet đăng:* 15/12/2016

### 1. GIỚI THIỆU

Tại thành phố Trà Vinh nhiều hộ gia đình nghèo không có nghề nghiệp ổn định, họ sống chủ yếu dựa vào việc buôn bán hàng rong. Dựa vào số liệu của cuộc khảo sát *Tình hình sinh kế của nhóm người buôn bán hàng rong* do Ban Quản lý dự án ActionAid ở Trà Vinh thực hiện vào tháng 11/2015, nghiên cứu này phác thảo thực trạng cuộc sống của những người bán hàng rong tại thành phố Trà Vinh; tìm hiểu những khó khăn và nguyện vọng của họ trong việc ổn định cuộc sống; từ đó gợi mở một số đề xuất cho các nhà hoạch định chính sách địa phương

cũng như các tổ chức phi chính phủ nhằm cải thiện đời sống của những hộ gia đình nghèo bán hàng rong trong tương lai.

### 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với định tính. Cuộc khảo sát định lượng được thực hiện bằng bảng hỏi tại 141 hộ làm nghề bán hàng rong của 3 địa bàn: phường 8, phường 9 và xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, trong đó người được hỏi là người đang trực tiếp làm nghề bán hàng rong. Ba địa bàn được chọn khảo sát nằm trong chương trình hỗ trợ của tổ chức ActionAid tại Trà Vinh với các đặc

\*, \*\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

điểm như sau: phường 8 là phường trung tâm của thành phố; xã Long Đức là địa bàn ngoại thành của thành phố; phường 9 là khu vực có đông người bán hàng rong sinh sống. Đồng thời, chúng tôi cũng tiến hành 12 cuộc phỏng vấn sâu chuyên gia, gồm những người lãnh đạo của phường và thành phố (3 cán bộ Hội Phụ nữ cấp phường và 1 cán bộ cấp thành phố, 3 phó chủ tịch cấp phường/xã và 1 của thành phố; 3 cán bộ phụ trách về lao động thương binh và xã hội cấp phường/xã và 1 cán bộ cấp thành phố); 3 cuộc thảo luận nhóm những người bán hàng rong ở 3 phường/xã, tập trung theo từng nhóm mặt hàng (nhóm 1: nhóm trái cây, rau quả; nhóm 2: nhóm thực phẩm ăn uống; nhóm 3: nhóm các mặt hàng còn lại như vé số, quần áo cũ, đồ chơi trẻ em) nhằm tìm hiểu tình hình chung về đời sống kinh tế - xã hội và những ý kiến về chính sách hỗ trợ đối với người bán hàng rong.

#### *Phương pháp phân tích số liệu*

- Trong cuộc nghiên cứu này chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích mô tả để phác thảo thực trạng đời sống kinh tế và việc làm của những hộ làm nghề bán hàng rong.

- Phương pháp so sánh và phân tích tương quan cũng được chúng tôi sử dụng để tìm hiểu về những đóng góp và các khó khăn mà người bán hàng rong gặp phải trong quá trình làm việc của mình.

- Ngoài ra, để tìm hiểu về quan điểm, chiến lược và các chính sách cho người bán hàng rong chúng tôi sử

dụng phương pháp phỏng vấn sâu đối với các cán bộ địa phương và cán bộ thành phố để xem ý kiến của các nhà quản lý về vấn đề này như thế nào.

#### *Khái niệm bán hàng rong*

Nghị định 39/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 đã đưa ra khái niệm cụ thể về người bán hàng rong như sau: là cá nhân tự mình hàng ngày thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động được pháp luật cho phép về mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác nhưng không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh và không gọi là “thương nhân” theo quy định của Luật Thương mại (Nghị định 39/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007). Bên cạnh đó một đặc điểm nổi bật của người bán hàng rong là không có địa điểm hành nghề cố định. Từ Nghị định và đặc điểm trên, trong cuộc nghiên cứu này chúng tôi quy giản khái niệm người bán hàng rong như sau: “Người bán hàng rong là những người làm nghề buôn bán không có giấy phép kinh doanh, không có chỗ mua bán cố định”.

### 3. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI LÀM NGHỀ BÁN HÀNG RONG

#### *Nguồn gốc của người bán hàng rong*

Theo số liệu thống kê, ở thành phố Trà Vinh hiện có 3 dân tộc chính sinh sống xen kẽ trong các khu dân cư: người Kinh (chiếm 73,7%), người Khmer (19,96%), người Hoa (6,22%) và các dân tộc khác (0,2%) (Cục Thống kê Trà Vinh 2013: 117).

Bảng 1. Thành phần dân tộc của người bán hàng rong chia theo địa bàn

	Phường 8		Phường 9		Xã Long Đức	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Kinh	1	2,4	8	9,4	11	78,6
Khmer	41	<b>97,6</b>	76	<b>89,4</b>	3	21,4
Hoa	0	0,0	1	1,2	0	0,0
Khác	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tổng số	42	100,0	85	100,0	14	100,0

Nguồn: Ban Quản lý ActionAid tại Trà Vinh, *Khảo sát sinh kế người bán hàng rong*, 11/2015.

Những nghiên cứu trước về người bán hàng rong ở TPHCM và Hà Nội cho thấy phần lớn họ là người Việt và là dân nhập cư từ các tỉnh khác về những thành phố này tìm việc làm và sinh sống (Nguyễn Thị Anh Thư 2009; Nguyễn Hồng Tâm 2009; Trần Thị Minh Đức và cộng sự 2010). Tuy nhiên, người bán hàng rong ở thành phố Trà Vinh có nhiều điểm khác biệt, cụ thể: 100% họ là người sinh ra và lớn lên tại đây với thành phần dân tộc đa dạng, trong đó người dân tộc Khmer chiếm tỷ lệ cao nhất. Tại hai địa bàn phường 8 và phường 9 người Khmer bán hàng rong chiếm tỷ lệ đặc biệt cao với tỷ lệ tương đương là 97,6% và 89,4%.

Ở xã Long Đức, người Kinh làm nghề bán hàng rong chiếm tỷ lệ lớn hơn so với người Khmer, có thể do xã Long Đức là xã ven đô thị, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu và có tỷ lệ hộ người Khmer ít hơn so với người Kinh, nên tỷ lệ hộ người Khmer bán hàng rong thấp

hơn 2 phường còn lại. Xét trong tổng thể mẫu, tỷ lệ người Khmer chiếm tới hơn 85% (120/141 người) số lượng người bán hàng rong tại thành phố Trà Vinh.

*Giới tính, độ tuổi và trình độ học vấn*

*của người bán hàng rong*

Qua Bảng 2, chúng ta thấy tỷ lệ nữ so với nam làm nghề bán hàng rong tại thành phố Trà Vinh có sự chênh lệch rất lớn. Trong 141 người bán hàng rong được phỏng vấn có đến 131 nữ, chiếm tới 92,9%. Ở những địa phương khác cũng có tỷ lệ chênh lệch giữa nam và nữ làm nghề bán hàng rong, nhưng không quá khác biệt như tại thành phố Trà Vinh. Cụ thể, ở Hà Nội tỷ lệ nam - nữ là 34,6% và 65,4% (Trần Thị Minh Đức và cộng sự 2010: 740); ở TPHCM tỷ lệ nam - nữ là 24% và 76% (Nguyễn Hồng Tâm 2009: 5).

Bảng 2: Độ tuổi của người bán hàng rong chia theo giới tính

	Nữ		Nam	
	Số lượng	%	Số lượng	%
20 - 30 tuổi	5	3,8	1	10,0
31 - 40 tuổi	43	32,8	2	20,0
41 - 50 tuổi	37	28,2	3	30,0
51 - 55 tuổi	17	13,0	2	20,0
trên 55 tuổi	29	22,1	2	20,0
Tổng số	131	100,0	10	100,0

Nguồn: Ban Quản lý ActionAid tại Trà Vinh, *Khảo sát sinh kế người bán hàng rong*, 11/2015.

Những người bán hàng rong ở Trà Vinh có độ tuổi trên 30 và tuổi trung niên chiếm tỷ lệ khá cao. Cụ thể, ở nhóm nữ tuổi từ 31- 40 tuổi chiếm khoảng 32,8% tổng số người bán hàng rong nữ, còn ở nam giới chiếm 20% người bán hàng rong nam; nhóm tuổi từ 41 đến 50 tuổi ở cả hai giới đều chiếm một tỷ lệ tương đối cao so với các nhóm tuổi còn lại (nữ giới chiếm 28,2% và nam giới chiếm 30%). Đặc điểm về độ tuổi của người bán hàng rong tại thành phố Trà Vinh cũng khá tương đồng so với Hà Nội và TPHCM. Ở Hà Nội độ tuổi trung bình của nhóm bán hàng rong là 36,5 tuổi (Trần Thị Minh Đức và cộng sự 2010: 740), còn TPHCM nhóm 30-60 tuổi chiếm đến 76,7% (Nguyễn Hồng Tâm 2009: 6).

Những người bán hàng rong có độ tuổi trẻ chiếm tỷ lệ rất thấp. Điều này cũng phù hợp với xu hướng thực tế hiện nay, những người trẻ tuổi thường đi làm công nhân cho các công ty, xí nghiệp. Kết quả từ các cuộc phỏng vấn sâu cán bộ địa phương cũng giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về tình hình của người bán hàng rong tại thành phố Trà Vinh (Hộp 1).

Những người bán hàng rong phần lớn là những người có điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu tư liệu sản xuất, cụ thể là họ không có cửa hàng, đất sản xuất... Đặc biệt, họ là những người khá lớn tuổi, không có trình độ học vấn, không có tay nghề nên họ không thể vào làm ở các công ty, xí nghiệp được. Vì

vậy, họ phải chọn nghề bán hàng rong để kiếm sống, tạo một công việc riêng. Hơn nữa, công việc này ít chịu sự gò bó về thời gian mà thu nhập cũng tương đối khá so với điều kiện hoàn cảnh của họ.

(PVS Phó Chủ tịch phường ở Trà Vinh).

Bảng 3: Trình độ học vấn của người bán hàng rong chia theo cấp học

	Số lượng	%
Mù chữ	41	29,1
Cấp I	81	57,4
Cấp II	18	12,8
Cấp III	1	0,7
Tổng số	141	100,0

Nguồn: Ban Quản lý ActionAid tại Trà Vinh, *Khảo sát sinh kế người bán hàng rong*, 11/2015.

Học vấn của những người bán hàng rong ở địa bàn nghiên cứu cũng đáng lưu ý.

Số liệu từ Bảng 3 cho thấy người bán hàng rong tại thành phố Trà Vinh có trình độ học vấn thấp. Hơn 99% số người được hỏi có học vấn từ cấp II trở xuống và chỉ 0,7% có học vấn cấp III, không có người nào có trình độ trung cấp, cao đẳng hay đại học. Đáng chú ý số lượng người mù chữ tương đối cao, 41 người (chiếm khoảng 29,1%). Trình độ học vấn thấp của người bán hàng rong ở đây cũng giống như tại Hà Nội và TPHCM. Tại Hà Nội tỷ lệ người bán hàng rong có trình độ học vấn từ cấp II trở xuống chiếm tới 86,7% (Trần Thị Minh Đức và cộng sự 2010: 740), còn ở TPHCM

cũng có tỷ lệ gần tương đương, 88,7% (Nguyễn Hồng Tâm 2009: 6). Điều này có thể là rào cản lớn đối với người bán hàng rong trong việc tìm kiếm những công việc ổn định và có thu nhập cao. Do đó, việc lựa chọn nghề bán hàng rong chưa hẳn xuất phát từ mong muốn của họ mà đó là sự lựa chọn phù hợp với điều kiện học vấn của họ, bên cạnh các yếu tố khác như kinh tế, mạng lưới xã hội.

Từ các kết quả trên đây chúng ta có thể hình dung về người bán hàng rong tại Trà Vinh như sau: phần lớn họ là người dân tộc Khmer sống tại địa bàn, trình độ học vấn rất thấp, không có chuyên môn tay nghề và phần lớn ở độ tuổi trung niên.

#### 4. CÁC MẶT HÀNG THƯỜNG BUÔN BÁN VÀ NƠI BÁN HÀNG

Cũng giống như các nghiên cứu của Trần Thị Minh Đức (2010) ở Hà Nội và Nguyễn Hồng Tâm (2009) ở TPHCM, những mặt hàng buôn bán rong ở Trà Vinh chủ yếu là thực phẩm ăn uống hàng ngày. Trong đó, rau cải, trái cây là mặt hàng được bán nhiều nhất,

chiếm 47,5%; sau đó là các mặt hàng ăn sáng, ăn vặt như bắp luộc, khoai lang nấu, chiếm 33,4%; ngoài ra, bán vé số cũng chiếm khoảng 9,2%; cuối cùng, 2 mặt hàng chiếm tỷ lệ thấp là bán nước giải khát và mua bán ve chai, chiếm 2,1%. Sự thiếu đa dạng của các mặt hàng buôn bán có thể bắt nguồn từ việc họ không có chỗ buôn bán cố định nên không thể đầu tư nhiều vốn hay bày bán nhiều mặt hàng.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có sự khác biệt về nơi buôn bán giữa các nhóm tuổi khác nhau (xem Bảng 4).

Những người ở độ tuổi trẻ hơn thường “chịu khó” di chuyển xa hơn so với người lớn tuổi. Nhóm tuổi dưới 30 chọn cách bán là thường xuyên di chuyển trong các chợ ở thành phố, chiếm 100%; nhóm từ 31 - 40 tuổi cũng chọn cách bán thường xuyên di chuyển (81,4%), bán bất cứ chỗ nào bán được (18,6%). Những người lớn tuổi thường chọn địa điểm bán mang tính ổn định, ít di chuyển hơn như vỉa hè, cổng trường, cổng bệnh viện,

Bảng 4: Các điểm thường xuyên bán hàng của người bán hàng rong chia theo nhóm tuổi

	Dưới 30 tuổi		31 - 40 tuổi		41 - 50 tuổi		51 - 55 tuổi		Trên 55 tuổi	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Ít di chuyển	0	0,0	0	0,0	0	0,0	16	94,0	20	68,9
Thường xuyên di chuyển	5	100,0	35	81,4	29	78,4	1	6,0	9	31,1
Bất cứ chỗ nào bán được	0	0,0	8	18,6	8	21,6	0	0,0	0	0,0
Tổng số	5	100,0	43	100,0	37	100,0	17	100,0	29	100,0

Nguồn: Ban Quản lý ActionAid tại Trà Vinh, *Khảo sát sinh kế người bán hàng rong*, 11/2015.

trong đó, nhóm tuổi từ 51 - 55 tuổi chiếm 94%; nhóm trên 55 tuổi chiếm 68,9%.

#### 5. VỐN ĐẦU TƯ VÀ THU NHẬP TỪ VIỆC BÁN HÀNG RONG

Nguồn vốn đầu tư là yếu tố quan trọng quyết định quy mô kinh doanh và thu nhập của người bán hàng rong. Phân tích số vốn đầu tư của người bán hàng rong trong mẫu khảo sát cho thấy nhìn chung số vốn của người bán hàng rong đầu tư vào công việc của mình không cao (xem Bảng 5).

Số vốn đầu tư ban đầu của người bán hàng rong chủ yếu từ khoảng 500.000 - 5.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ người bán hàng rong đầu tư số vốn từ 1.000.000 - 2.000.000 đồng là cao hơn cả. Kết quả khảo sát, bình quân số vốn chung mà người bán hàng rong ở thành phố Trà Vinh phải đầu tư vào công việc của mình là 2.700.000 đồng. Trong đó người đầu tư vốn nhiều nhất, hơn 20.000.000 đồng, là những hộ buôn bán quần áo dạo trên các vỉa hè chính, còn người đầu tư vốn ít nhất là những người bán vé số,

có nhiều người không bỏ đồng vốn nào cũng có thể đi bán vé số được. Trong tổng số vốn đầu tư vào buôn bán thì khoảng 70% được đầu tư vào mua sắm các vật dụng ban đầu như: xe máy, xe đạp, xe đẩy, giỏ, xĩa... và 30% còn lại là vốn lưu động buôn bán hàng ngày.

Những nghiên cứu trước đây cho rằng số vốn đầu tư và tiền lãi thu về sẽ có mối tương quan thuận với nhau. Nhìn vào Bảng 6 chúng ta cũng thấy mối tương quan này. Những người bỏ vốn đầu tư càng nhiều thì số tiền lãi thu về càng cao và ngược lại, những người bỏ vốn đầu tư càng ít thì lợi nhuận của họ càng thấp. Cụ thể ở nhóm đầu tư vốn dưới 1.000.000 đồng thì tiền lãi trung bình hàng ngày dưới mức 50.000 đồng chiếm tỷ lệ cao (khoảng 53,9%) và không có hộ nào có thu nhập từ 150.000 đồng trở lên. Ngược lại, những người có vốn đầu tư trên 5.000.000đ thì tiền lãi trung bình hàng ngày khá cao ở mức 150.000 - 200.000đ/ngày chiếm đến 52,2% và không có hộ nào thu dưới 100.000đ/ngày. Còn các nhóm đầu tư tương

Bảng 5: Số vốn đầu tư bán hàng rong chia theo nhóm

	Số lượng	%
Dưới 500.000 đồng	16	11.3
500.000 – dưới 1.000.000 đ	30	21.3
1.000.000 - dưới 2.000.000 đ	38	27.0
2.000.000 – dưới 3.000.000 đ	20	14.2
3.000.000 – 5.000.000 đ	20	14.2
Trên 5.000.000 đ	17	12.1
Tổng số	141	100.0

Nguồn: Ban Quản lý ActionAid tại Trà Vinh, *Khảo sát sinh kế người bán hàng rong*, 11/2015.

ứng khác thì tiền lãi cũng có xu hướng tăng lũy tiến theo vốn đầu tư của mình.

Khi phân tích về tỷ trọng thu nhập của người bán hàng rong đối với thu nhập chung của hộ gia đình, chúng tôi thấy rằng thu nhập của người bán hàng

Bảng 6: Tương quan giữa số vốn đầu tư và thu nhập hàng ngày của người bán hàng rong

Tiền lời trung bình mỗi ngày	Số vốn đầu tư				
	Dưới 1 triệu	1 - dưới 2 triệu	2 - dưới 3 triệu	3 - 5 triệu	Trên 5 triệu
	%	%	%	%	%
< 50.000 đ	53,9	21,5	6,7	0,0	0,0
50.000 - < 100.000 đ	33,6	44,1	18,6	16,6	0
100.000 - < 150.000 đ	12,5	28,9	45,2	34,4	29,4
150.000 - 200.000 đ	0,0	5,5	27,4	40,6	52,2
Trên 200.000 đ	0,0	0,0	2,1	8,4	18,4

Nguồn: Ban Quản lý ActionAid tại Trà Vinh, *Khảo sát sinh kế người bán hàng rong* 11/2015.

Bảng 7: Tỷ trọng thu nhập của người bán hàng rong đối với thu nhập của hộ

	Số lượng	%
Chiếm dưới 20% thu nhập	4	2,8
Chiếm từ 20% - dưới 40%	45	31,9
Chiếm 40% - dưới 60%	68	48,2
Chiếm từ 60% - dưới 80%	22	15,6
Chiếm từ 80% - 100%	2	1,4
Tổng số	141	100,0

Nguồn: Ban quản lý ActionAid tại Trà Vinh, *Khảo sát sinh kế người bán hàng rong*, 11/2015.

Bảng 8: Những khó khăn gặp phải trong công việc

	Số lượng	%
Bị bắt bớ xua đuổi	65	46,1
Bị tịch thu phương tiện	30	21,3
Không có phương tiện	10	7,1
Thiếu vốn	50	35,5
Mua chịu	25	17,7
Quyết tiền	9	6,4
Không thuộc đường đi	2	1,4
Thời tiết mưa gió	62	44,0
Nhiều người bán cùng mặt hàng	9	6,4
Sức khỏe yếu	39	27,7
Khác	7	2,3

Nguồn: Ban Quản lý ActionAid tại Trà Vinh, *Khảo sát sinh kế người bán hàng rong* 11/2015.

rong chiếm tỷ trọng lớn trong thu nhập chung của hộ (xem Bảng 7).

Như vậy, qua số liệu trên chúng ta có thể thấy nguồn thu nhập của người bán hàng rong có vai trò rất quan trọng trong đời sống của hộ gia đình. Điều này đặt ra thách thức lớn về mặt chính sách giữa một bên là lợi ích của người bán hàng rong và nguồn sinh kế gia đình họ với một bên là các biện pháp của chính quyền hạn chế hoạt động bán hàng rong, nhằm xây dựng mỹ quan đô thị, trật tự an toàn xã hội.

## 6. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC TRONG CÔNG VIỆC

Bán hàng rong được xem là một nghề khá vất vả, những người làm nghề này ngoài việc phải bươn chải mưu sinh họ còn gặp nhiều khó khăn khác trong quá trình làm việc (xem Bảng 8).

Chính sách cấm bán hàng rong ở các thành phố là một thách thức lớn đối với công việc và cuộc sống của người bán hàng rong. Cụ thể,

ở Hà Nội cùng với việc ban hành chính sách vệ sinh an toàn thực phẩm, chính quyền cũng lập lại trật tự an toàn và mỹ quan đô thị và cấm người bán hàng rong buôn bán ở vỉa hè, lề đường và những nơi công cộng. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến tâm lý cũng như thu nhập của những người bán hàng rong do bị tịch thu hàng hoá hay bị phạt hành chính (Nguyễn Thị Anh Thư, 2009). Kết quả khảo sát ở Trà Vinh cũng chỉ ra rằng, khó khăn lớn nhất của người bán hàng rong hiện nay là do bị bắt bớ, xua đuổi (chiếm 46,1%) và bị tịch thu phương tiện buôn bán (chiếm 21,3%). Điều này cũng phù hợp với nhận xét của cán bộ chính quyền khi nói về nghề bán hàng rong ở địa phương mình (Hộp 2):

Nghề bán hàng rong là nghề mang lại thu nhập cho những hộ nghèo, nhưng chính quyền địa phương cũng chưa có chính sách gì để giúp đỡ họ vì đây là một nghề mà địa phương không khuyến khích phát triển. Bởi vì nó ảnh hưởng đến vệ sinh an toàn thực phẩm, trật tự và an toàn giao thông, văn minh và mỹ quan đô thị tại địa phương. Do vậy, một số lực lượng chức năng tại địa phương bắt bớ, ngăn cấm họ buôn bán tại địa phương mình.

(PVS Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân phường).

Việc chưa thể giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa nguồn sinh kế của các hộ bán hàng rong và chính

sách an ninh trật tự xã hội, mỹ quan đô thị như vậy đã ẩn chứa nhiều mâu thuẫn. Điều này không chỉ là vấn đề ở Trà Vinh mà còn ở nhiều địa phương khác trong phạm vi cả nước. Ngoài câu chuyện trên, người bán hàng rong còn gặp một số khó khăn đáng kể khác, như thời tiết mưa gió (chiếm 44,0%) và thiếu vốn để kinh doanh (chiếm 35,5%). Tiếp xúc với những người bán hàng rong, họ chia sẻ (Hộp 3):

Do mặt hàng buôn bán chủ yếu là hàng thực phẩm nên khi gặp thời tiết mưa gió thất thường, không bán hết thì hàng sẽ bị hư hỏng chứ không để lại bán ngày hôm sau được. *Đồng thời, những người bán hàng rong cho biết thêm:* do không có vốn để lấy hàng nên họ phải vay vốn bên ngoài với lãi suất khá cao. Vì vậy, dù họ làm việc rất cật lực nhưng tiền lãi thu được hàng ngày cũng không được bao nhiêu.

(Thảo luận nhóm nữ bán hàng rong, phường 8).

Như vậy, người bán hàng rong tại Trà Vinh đang gặp phải những khó khăn mang yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan. Những khó khăn mang yếu tố chủ quan có thể giải quyết được, nếu chính quyền có chính sách giải quyết thỏa đáng.

#### KẾT LUẬN

Từ những kết quả phân tích trên đây chúng tôi tạm thời đưa ra một số kết luận về tình trạng sinh kế của người bán hàng rong ở thành phố Trà Vinh như sau:

Thứ nhất, những người bán hàng rong ở thành phố Trà Vinh phần lớn là người dân tộc Khmer thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo; thiếu vốn và tư liệu sản xuất; là người đang sinh sống trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó, những người bán hàng rong ở đây có độ tuổi tương đối lớn; trình độ học vấn thấp và không có tay nghề. Vì vậy việc chọn nghề bán hàng rong như là một lựa chọn hợp lý của họ để cải thiện thu nhập và giảm nghèo cho gia đình.

Thứ hai, những mặt hàng buôn bán của người bán hàng rong tại thành phố Trà Vinh tập trung chủ yếu ở nhóm thực phẩm, ăn uống và có sự khác biệt về hình thức cũng như nơi bán hàng giữa các nhóm tuổi. Đối với những người có độ tuổi tương đối trẻ thì địa điểm của họ đa dạng hơn và mang tính di chuyển nhiều hơn, còn những người có độ tuổi lớn hơn thường chọn nơi bán hàng mang tính

cố định hơn, chủ yếu tập trung vào những nơi công cộng như bến xe, bệnh viện, trường học hoặc trạm xe buýt.

Thứ ba, dù số tiền đầu tư vào bán hàng rong không nhiều nhưng nó có ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập của họ, những người có tiền đầu tư càng cao thì lợi nhuận thu về càng lớn và ngược lại những người có số vốn đầu tư ban đầu thấp thì lợi nhuận thu về không cao.

Cuối cùng, người bán hàng rong có đóng góp quan trọng trong cơ cấu thu nhập của hộ gia đình. Hay nói cách khác, họ đem lại nguồn thu nhập chính cho các hộ gia đình này. Nhưng trong quá trình làm việc, những người bán hàng rong gặp nhiều khó khăn, trong đó, đáng kể nhất là vấn đề chưa tìm được tiếng nói chung giữa chính quyền ở địa phương và những người bán hàng rong, dẫn đến xung đột lợi ích giữa các bên liên quan. □

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cục Thống kê Trà Vinh. 2013. *Niên giám thống kê 2013*.
2. Hà Thúc Dũng. 2015. *Báo cáo tổng hợp sinh kế người bán hàng rong ở thành phố Trà Vinh 2015* (do Ban Quản lý dự án của ActionAid tại Trà Vinh tổ chức thực hiện).
3. Nguyễn Hồng Tâm. 2009. *Tìm hiểu thực trạng cuộc sống của những người nhập cư bán hàng rong trên địa bàn TPHCM*. Đề tài nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên (đạt giải cấp Bộ năm 2009).
4. Nguyễn Thị Anh Thư. 2009. "Tâm trạng lo lắng của người bán hàng rong". *Tạp chí Tâm lý học*, số 4.
5. Trần Thị Minh Đức và cộng sự. 2010. "Vấn đề người bán hàng rong trên các đường phố Hà Nội", trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.